

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và người lao động ngừng việc do đại dịch COVID-19 trên địa bàn TP. Quy Nhơn (đợt 5)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn tại Tờ trình số 228/TTr-UBND ngày 09/9/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và người lao động ngừng việc đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Điều 13, 14, 17, 18 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Quy Nhơn (đợt 5), cụ thể như sau:

1. Danh sách đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ (có phụ lục số 1, 2, 3, 4 kèm theo).

2. Tổng kinh phí hỗ trợ: 252.020.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và hướng dẫn của Sở Tài chính tại Văn bản số 2120/STC-QLNS ngày 15/7/2021.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. UBND thành phố Quy Nhơn chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định hồ sơ, danh sách và kinh phí đề nghị thực hiện chính sách hỗ trợ nêu tại Điều 1 Quyết định này; tổ chức chi trả kịp thời cho các đối tượng thụ hưởng và thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ, đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (*báo cáo*);
- Thường trực HĐND tỉnh (*báo cáo*);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K20.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOẢN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG**  
**BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 5)**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT | Họ và tên             | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm) | Số tiền hỗ trợ (đồng) | Tên Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ | Số tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ | Ngân hàng               | Số CMT/ thẻ căn cước công dân | Ghi chú                                     |
|----|-----------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--|---|-----------------------|--|---|-------------------------|-------------------------------|---|
| 1  | 2                     | 3                               | 4                      | 5                                | 6              | 7  | 8   | 9                     | 10   | 11  | 12                      | 13                            | 14  |
| 1  | Hồ Thị Minh Thuật     | Giáo viên                       | Có thời hạn            | 01/01/2021                       | 5220764717     | 01/08/2021   | 01/08/2021-30/09/2021   | 3.710.000             | Hồ Thị Minh Thuật                            | 27001011814748                              | NH Hàng Hải ( MSB)      | 215444011                     | Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo Trứng                |
| 2  | Hà Thị Trúc Thanh     | Giáo viên                       | Có thời hạn            | 01/01/2021                       | 5221804022     | 01/08/2021   | 01/08/2021-30/09/2021   | 3.710.000             | Hà Thị Trúc Thanh                            | 27001011814663                              | NH Hàng Hải ( MSB)      | 215510114                     | Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo Trứng                |
| 3  | Nguyễn Thái Nhã Quỳnh | Giáo viên                       | Có thời hạn            | 01/01/2021                       | 5221560175     | 01/08/2021   | 01/08/2021-30/09/2021   | 3.710.000             | Nguyễn Thái Nhã Quỳnh                        | 27001011814720                              | NH Hàng Hải ( MSB)      | 215446894                     | Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo Trứng                |
| 4  | Đỗ Thị Như Ý          | Giáo viên                       | Có thời hạn            | 01/01/2021                       | 5220769570     | 01/08/2021   | 01/08/2021-30/09/2021   | 3.710.000             | Đỗ Thị Như Ý                                 | 27001011814766                              | NH Hàng Hải ( MSB)      | 215390868                     | Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo Trứng                |
| 5  | Lê Thị Mỹ Lệ          | Giáo viên                       | Có thời hạn            | 01/01/2021                       | 5220638982     | 01/08/2021   | 01/08/2021-30/09/2021   | 3.710.000             | Lê Thị Mỹ Lệ                                 | 27001011814681                              | NH Hàng Hải ( MSB)      | 215453269                     | Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo Trứng                |
| 6  | Huỳnh Thị Kim Thảo    | Phụ bếp                         | Có thời hạn            | 03/01/2021                       | 7413201608     | 01/08/2021   | 01/08/2021-30/09/2021   | 3.710.000             | Huỳnh Thị Kim Thảo                           | 27001011814869                              | NH Hàng Hải ( MSB)      | 341706116                     | Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo Trứng                |
| 7  | Mai Thị Thu Thảo      | Giáo viên                       | Có thời hạn            | 01/01/2021                       | 5214000260     | 01/08/2021   | 01/08/2021-30/09/2021   | 3.710.000             | Mai Thị Thu Thảo                             | 27001011814702                              | NH Hàng Hải ( MSB)      | 215176414                     | Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo Trứng                |
| 8  | Lê Thị Bích Ngọc      | Giáo viên                       | Có thời hạn            | 01/01/2021                       | 5221454593     | 01/08/2021   | 01/08/2021-30/09/2021   | 3.710.000             | Lê Thị Bích Ngọc                             | 27001011814775                              | NH Hàng Hải ( MSB)      | 52199000681                   | Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo Trứng                |
| 9  | Huỳnh Thị Tuyết Nhi   | Giáo viên                       | Có thời hạn            | 01/01/2021                       | 5220162017     | 01/08/2021   | 01/08/2021-30/09/2021   | 3.710.000             | Huỳnh Thị Tuyết Nhi                          | 27001011814814                              | NH Hàng Hải ( MSB)      | 215446330                     | Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo Trứng                |
| 10 | Huỳnh Thị Thom        | Giáo viên                       | Có thời hạn            | 01/01/2021                       | 5220009477     | 01/08/2021   | 01/08/2021-30/09/2021   | 3.710.000             | Huỳnh Thị Thom                               | 27001011814672                              | NH Hàng Hải ( MSB)      | 230578845                     | Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo Trứng                |
| 11 | Phạm Thị Thanh Thúy   | Giáo viên                       | Có thời hạn            | 01/08/2020                       | 5120150556     | 01/07/2021   | 01/07/2021-31/08/2021   | 3.710.000             | Phạm Thị Thanh Thúy                          | 27001011801319                              | NH Hàng Hải ( MSB)      | 212764284                     | Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo Tuổi Xanh            |
| 12 | Lưu Kim Đỉnh          | Giáo viên                       | Có thời hạn            | 01/04/2021                       | 5220643832     | 01/07/2021   | 01/07/2021-31/08/2021   | 3.710.000             | Lưu Kim Đỉnh                                 | 107867023012                                | NH Viettin Bank         | 215452737                     | Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo Tuổi Xanh            |
| 13 | Trần Mỹ Na            | Nhân viên VP                    | 1 năm                  | 01/01/2021                       | 5220188757     | 01/07/2021   | 01/07/2021-31/08/2021   | 3.710.000             | Trần Mỹ Na                                   | 0431000269237                               | Vietcombank Quy Nhơn    | 215118321                     | Công Ty TNHH Kim Ngọc (Nhà hàng Trầu Cau 2) |
| 14 | Dương Phan Thu Thảo   | Nhân viên nhà hàng              | 1 năm                  | 01/01/2021                       | 5220174025     | 01/07/2021   | 01/07/2021-31/08/2021   | 3.710.000             | Dương Phan Thu Thảo                          | 9704229202372350                            | Ngân hàng TMCP Quân đội | 215078829                     | Công Ty TNHH Kim Ngọc (Nhà hàng Trầu Cau 2) |
| 15 | Trần Thị Thanh Lương  | Nhân viên kho                   | 1 năm                  | 01/01/2021                       | 5221659361     | 01/07/2021   | 01/07/2021-31/08/2021   | 3.710.000             | Trần Thị Thanh Lương                         | 19037337020013                              | Techcombank             | 211522245                     | Công Ty TNHH Kim Ngọc (Nhà hàng Trầu Cau 2) |

|    |                         |              |            |            |            |            |                       |           |                         |                |               |              |  |
|----|-------------------------|--------------|------------|------------|------------|------------|-----------------------|-----------|-------------------------|----------------|---------------|--------------|--|
| 16 | Đình Đỗ Lan Anh         | Nhân viên VP | 1 năm      | 01/01/2021 | 5221659391 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Đình Đỗ Lan Anh         | 58010001512065 | BIDV Quy Nhơn | 215193310    | Công Ty TNHH Kim Ngọc (Nhà hàng Cầu Cau 2) |
| 17 | Lê Thị Thảo Nhi         | Giáo viên    | Không XDTH | 01/10/2019 | 5220022495 | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Lê Thị Thảo Nhi         | 0431000278742  | Vietcombank   | 215396930    | Trường Mầm Non Chu Văn An                  |
| 18 | Lương Hồ Yến Nhi        | Giáo viên    | Không XDTH | 01/10/2019 | 5220104314 | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Lương Hồ Yến Nhi        | 0431000243661  | Vietcombank   | 215396921    | Trường Mầm Non Chu Văn An                  |
| 19 | Diệp Thị Bích Hạnh      | Giáo viên    | Không XDTH | 01/03/2017 | 5216022846 | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Diệp Thị Bích Hạnh      | 0051000545428  | Vietcombank   | 215408798    | Trường Mầm Non Chu Văn An                  |
| 20 | Trần Nguyễn Thị Mỹ Linh | Giáo viên    | Không XDTH | 17/12/2019 | 5220487438 | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Trần Nguyễn Thị Mỹ Linh | 0051000565797  | Vietcombank   | 215440873    | Trường Mầm Non Chu Văn An                  |
| 21 | Hồ Dương Ny Na          | Giáo viên    | Không XDTH | 01/07/2018 | 5221761624 | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Hồ Dương Ny Na          | 0051000565859  | Vietcombank   | 215413854    | Trường Mầm Non Chu Văn An                  |
| 22 | Châu Thị Nhân           | Giáo viên    | Không XDTH | 01/11/2017 | 5221621230 | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Châu Thị Nhân           | 0051000564118  | Vietcombank   | 215237850    | Trường Mầm Non Chu Văn An                  |
| 23 | Nguyễn Thị Tuyết Trinh  | Giáo viên    | Không XDTH | 01/01/2021 | 5220635926 | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị Tuyết Trinh  | 19028258303027 | Techcombank   | 315363320    | Trường Mầm Non Chu Văn An                  |
| 24 | Trần Thị Cẩm Hằng       | Y tế         | Không XDTH | 01/05/2019 | 5220483726 | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Trần Thị Cẩm Hằng       | 0051000545489  | Vietcombank   | 215237836    | Trường Mầm Non Chu Văn An                  |
| 25 | Trần Thị Kim Oanh       | Cấp dưỡng    | Không XDTH | 01/07/2005 | 307005441  | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Trần Thị Kim Oanh       | 0051000565863  | Vietcombank   | 215568816    | Trường Mầm Non Chu Văn An                  |
| 26 | Huỳnh Thị Trúc Sinh     | Giáo viên    | HĐXDTH     | 01/04/2021 | 5220708324 | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Huỳnh Thị Trúc Sinh     | 1021310675     | Vietcombank   | 052199004376 | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |
| 27 | Phùng Thị Mỹ Lê         | Giáo viên    | HĐXDTH     | 06/05/2021 | 5221548833 | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Phùng Thị Mỹ Lê         | 0051000502643  | Vietcombank   | 215275115    | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |
| 28 | Lê Thị Giang            | Giáo viên    | HĐXDTH     | 08/09/2020 | 7510055298 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Lê Thị Giang            | 3906205155852  | Agribank      | 197278996    | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |
| 29 | Võ Thị Mỹ Ý             | Giáo viên    | HĐXDTH     | 17/05/2020 | 5220278832 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Võ Thị Mỹ Ý             | 1012477993     | Vietcombank   | 215475899    | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |
| 30 | Nguyễn Thị Phước Hiệp   | Giáo viên    | HĐXDTH     | 19/05/2020 | 5220548408 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị Phước Hiệp   | 1015296938     | Vietcombank   | 215436763    | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |
| 31 | Trần Thái Hoa           | Giáo viên    | HĐXDTH     | 11/08/2020 | 5220863386 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Trần Thái Hoa           | 0051000551498  | Vietcombank   | 215359706    | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |
| 32 | Đặng Thị Ánh            | Tạp vụ       | HĐXDTH     | 14/09/2020 | 5215001421 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Đặng Thị Ánh            | 0051000551500  | Vietcombank   | 210985721    | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |
| 33 | Đặng Thị Thu Thùy       | Giáo viên    | HĐXDTH     | 10/11/2020 | 7911093332 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Đặng Thị Thu Thùy       | 1019546142     | Vietcombank   | 215174253    | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |
| 34 | Mai Thị Thu Trang       | Giáo viên    | HĐXDTH     | 10/12/2020 | 6422451040 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Mai Thị Thu Trang       | 58110001473053 | BIDV          | 231011610    | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |
| 35 | Nguyễn Trần Cẩm Tiên    | Giáo viên    | HĐXDTH     | 15/12/2020 | 5221892171 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Trần Cẩm Tiên    | 1019419224     | Vietcombank   | 212797392    | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |
| 36 | Đình Thị Giang Thanh    | Giáo viên    | HĐXDTH     | 23/12/2020 | 5221613752 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Đình Thị Giang Thanh    | 58010001043486 | BIDV          | 215406636    | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |
| 37 | Lê Thị Kiều Duyên       | Giáo viên    | HĐXDTH     | 13/08/2020 | 5216014164 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Lê Thị Kiều Duyên       | 0051000551541  | Vietcombank   | 215357453    | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |
| 38 | Nguyễn Thị Thu Thảo     | Giáo viên    | HĐXDTH     | 11/08/2020 | 5221911712 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị Thu Thảo     | 0051000551523  | Vietcombank   | 215401655    | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |
| 39 | Hồ Thị Cẩm Ly           | Giáo viên    | HĐXDTH     | 11/08/2020 | 5220533754 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Hồ Thị Cẩm Ly           | 0051000551495  | Vietcombank   | 215381126    | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |
| 40 | Trương Thị Kim Tiền     | Bảo mẫu      | HĐXDTH     | 14/09/2020 | 5215001420 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Trương Thị Kim Tiền     | 0051000551204  | Vietcombank   | 211301694    | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |
| 41 | Võ Bảo Nguyên           | Giáo viên    | HĐXDTH     | 14/12/2020 | 5420170358 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Võ Bảo Nguyên           | 1021295292     | Vietcombank   | 221455619    | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                   |

|    |                       |           |             |            |            |            |                       |           |                       |                     |                                       |           |  |
|----|-----------------------|-----------|-------------|------------|------------|------------|-----------------------|-----------|-----------------------|---------------------|---------------------------------------|-----------|--|
| 42 | Nguyễn Thị Diệu Thúy  | Giáo viên | HĐXDTH      | 01/09/2020 | 5221468535 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị Diệu Thúy  | 1017532691          | Vietcombank                           | 215443195 | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                                 |
| 43 | Trương Thị Phương Nga | Giáo viên | HĐXDTH      | 01/09/2017 | 5216000921 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Trương Thị Phương Nga | 0051000457887       | Vietcombank                           | 215527973 | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                                 |
| 44 | Nguyễn Thị Kiều Nha   | Giáo viên | HĐXDTH      | 14/09/2020 | 5220248557 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị Kiều Nha   | 0431000224203       | Vietcombank                           | 215345660 | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                                 |
| 45 | Nguyễn Thị Quỳnh Như  | Giáo viên | HĐXDTH      | 03/09/2020 | 5220916399 | 01/08/2021 | 01/08/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị Quỳnh Như  | 1021037092          | Vietcombank                           | 215465179 | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                                 |
| 46 | Nguyễn Thị Nhịn       | Giáo viên | HĐXDTH      | 01/10/2020 | 5220674506 | 01/08/2021 | 01/08/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị Nhịn       | 1017666732          | Vietcombank                           | 215305024 | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                                 |
| 47 | Tô Thị Trà Nguyên     | Giáo viên | HĐXDTH      | 11/08/2020 | 5220984321 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Tô Thị Trà Nguyên     | 0051000556513       | Vietcombank                           | 215465459 | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                                 |
| 48 | Nguyễn Thị Hồng Ngân  | Giáo viên | HĐXDTH      | 18/05/2020 | 5221244731 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị Hồng Ngân  | 0051000561363       | Vietcombank                           | 215423063 | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                                 |
| 49 | Nguyễn Thị Minh Tâm   | Giáo viên | Không XDTH  | 01/09/2020 | 5,21E+09   | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị Minh Tâm   | 9704229208667140000 | Ngân hàng Quân đội - CN Điện Biên Phủ | 215085384 | Trường Mầm Non Sơn Ca                                    |
| 50 | Nguyễn Thị Vân        | Giáo viên | HĐXDTH      | 01/09/2020 | 5,208E+09  | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị Vân        | 58110001112125      | BIDV Quy Nhơn                         | 211069199 | Trường Mầm Non Sơn Ca                                    |
| 51 | Phạm Thị Thảo Nguyệt  | Giáo viên | HĐXDTH      | 01/04/2021 | 5,222E+09  | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Phạm Thị Thảo Nguyệt  | 9704229204571368621 | Ngân hàng Quân đội - CN Điện Biên Phủ | 187984270 | Trường Mầm Non Sơn Ca                                    |
| 52 | Đào Thị Thanh Diệm    | Giáo viên | HĐXDTH      | 01/09/2020 | 5,221E+09  | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Đào Thị Thanh Diệm    | 0431000211369       | Vietcombank                           | 215288685 | Trường Mầm Non Sơn Ca                                    |
| 53 | Lê Thị Thanh Đông     | Giáo viên | HĐXDTH      | 01/04/2021 | 5,222E+09  | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Lê Thị Thanh Đông     | 9704229208704675042 | Ngân hàng Quân đội - CN Điện Biên Phủ | 215117035 | Trường Mầm Non Sơn Ca                                    |
| 54 | Lê Thị Hồng Yến       | Kế toán   | HĐXDTH      | 01/09/2020 | 5,22E+09   | 01/06/2021 | 01/06/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Lê Thị Hồng Yến       | 9704229208676229406 | Ngân hàng Quân đội - CN Điện Biên Phủ | 215177021 | Trường Mầm Non Sơn Ca                                    |
| 55 | Hồ Thu Hiền           | Giáo viên | Có thời hạn | 01/04/2021 | 5,216E+09  | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Hồ Thu Hiền           | 0501000189002       | Vietcombank-CN Bắc Sài Gòn            | 215325232 | Trường Mầm Non Hà Thanh (thuộc Cty CP Giáo dục Hà Thanh) |
| 56 | Phạm Hoài Vy          | Giáo viên | Có thời hạn | 01/05/2021 | 5,22E+09   | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Phạm Hoài Vy          | 60110001104826      | BIDV – CN Khánh Hòa                   | 215445625 | Trường Mầm Non Hà Thanh (thuộc Cty CP Giáo dục Hà Thanh) |
| 57 | Nguyễn Thị Kiều Trinh | Giáo viên | Có thời hạn | 01/04/2021 | 5,221E+09  | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị Kiều Trinh | 1020158243          | Vietcombank-CN Quy Nhơn               | 215399272 | Trường Mầm Non Hà Thanh (thuộc Cty CP Giáo dục Hà Thanh) |
| 58 | Nguyễn Ninh Phối      | Giáo viên | Có thời hạn | 01/04/2021 | 5,222E+09  | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Ninh Phối      | 1020155392          | Vietcombank-CN Quy Nhơn               | 215324593 | Trường Mầm Non Hà Thanh (thuộc Cty CP Giáo dục Hà Thanh) |
| 59 | Nguyễn Thị Kim Thoa   | Giáo viên | Có thời hạn | 01/04/2021 | 5,222E+09  | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị Kim Thoa   | 0051000559327       | Vietcombank-CN Bình Định              | 215396828 | Trường Mầm Non Hà Thanh (thuộc Cty CP Giáo dục Hà Thanh) |

|           |                      |           |             |            |           |            |                       |                    |                      |               |                          |           |  |
|-----------|----------------------|-----------|-------------|------------|-----------|------------|-----------------------|--------------------|----------------------|---------------|--------------------------|-----------|--|
| 60        | Phan Thị Thảo Phương | Giáo viên | Có thời hạn | 01/05/2021 | 5,222E+09 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000          | Phan Thị Thảo Phương | 1020165552    | Vietcombank-CN Quy Nhơn  | 187658666 | Trường Mầm Non Hà Thanh (thuộc Cty CP Giáo dục Hà Thanh) |
| 61        | Võ Tôn Huyền Trâm    | Giáo viên | Có thời hạn | 01/04/2021 | 5,222E+09 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000          | Võ Tôn Huyền Trâm    | 1020155587    | Vietcombank-CN Quy Nhơn  | 221455974 | Trường Mầm Non Hà Thanh (thuộc Cty CP Giáo dục Hà Thanh) |
| 62        | Huỳnh Thị Mộng Lành  | Giáo viên | Có thời hạn | 01/04/2021 | 7,913E+09 | 01/07/2021 | 01/07/2021-31/08/2021 | 3.710.000          | Huỳnh Thị Mộng Lành  | 0181003401554 | Vietcombank-CN Bình Định | 215162657 | Trường Mầm Non Hà Thanh (thuộc Cty CP Giáo dục Hà Thanh) |
| <b>62</b> | <b>TỔNG CỘNG</b>     |           |             |            |           |            |                       | <b>230.020.000</b> |                      |               |                          |           |  |

**PHỤ LỤC 2****DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG,  
NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG VÀ ĐANG MANG THAI BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 5)***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| <b>STT</b> | <b>Họ và tên</b> | <b>Thứ tự<br/>tại<br/>phụ lục 1</b> | <b>Số tiền<br/>hỗ trợ<br/>(đồng)</b> | <b>Tên Tài khoản<br/>của<br/>người lao động<br/>nhận hỗ trợ</b> | <b>Số tài khoản<br/>của<br/>người lao động<br/>nhận hỗ trợ</b> | <b>Ngân hàng</b> | <b>Số CMT/<br/>thẻ căn cước<br/>công dân</b> | <b>Ghi chú</b>            |
|------------|------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|---|--|------------------|--|---------------------------|
| <b>1</b>   | <b>2</b>         | <b>3</b>                            | <b>8</b>                             | <b>4</b>  | <b>5</b>   | <b>6</b>         | <b>7</b>                                     | <b>9</b>                  |
| 1          | Châu Thị Nhân    | 22                                  | 1.000.000                            | Châu Thị Nhân   | 0051000564118  | Vietcombank      | 215237850                                    | Trường Mầm Non Chu Văn An |
| <b>1</b>   | <b>TỔNG CỘNG</b> |                                     | <b>1.000.000</b>                     |   |  |                  |  |                           |

**PHỤ LỤC 3**

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOẢN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG VÀ ĐANG NUÔI CON ĐỂ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 5)**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| TT        | Họ và tên              | Thứ tự tại phụ lục 1 | Thông tin về con và vợ hoặc chồng |                                |                             |                              | Số tiền hỗ trợ    | Tên Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ | Số tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ | Ngân hàng                             | Số CMT/ thẻ căn cước công dân | Ghi chú  |
|-----------|------------------------|----------------------|-----------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-------------------|--|---|---------------------------------------|-------------------------------|--|
|           |                        |                      | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi   | Ngày tháng năm sinh của trẻ em | Họ và tên vợ hoặc chồng ở 2 | Số CNT/thẻ căn cước công dân |                   |  |   |                                       |                               |  |
| 1         | 2                      | 3                    | 4                                 | 5                              | 6                           | 7                            | 12                | 8  | 9   | 10                                    | 11                            | 13   |
| 1         | Trần Mỹ Na             | 13                   | Lê Niên Khả Di                    | 09/10/2016                     | Lê Thanh Phước              | 211801168                    | 1.000.000         | Trần Mỹ Na                                   | 0431000269237                               | Vietcombank Quy Nhơn                  | 215118321                     | Công Ty TNHH Kim Ngọc (Nhà hàng Trầu Cau 2)              |
| 2         | Dương Phan Thu Thảo    | 14                   | Phạm Bảo Nguyên                   | 21/04/2017                     | Phạm Châu Diệp              | 211683056                    | 1.000.000         | Dương Phan Thu Thảo                          | 9704229202372350                            | Ngân hàng TMCP Quân đội               | 215078829                     | Công Ty TNHH Kim Ngọc (Nhà hàng Trầu Cau 2)              |
| 3         | Hồ Dương Ný Na         | 21                   | Trần Hồ Gia Hân                   | 09/11/2016                     | Trần Thế Hưng               | 215116462                    | 1.000.000         | Hồ Dương Ný Na                               | 0051000565859                               | Vietcombank                           | 215413854                     | Trường Mầm Non Chu Văn An                                |
| 4         | Nguyễn Thị Tuyết Trinh | 23                   | Nguyễn Trung Kiên                 | 28/4/2018                      | Nguyễn Trung Kiệt           | 215237836                    | 1.000.000         | Nguyễn Thị Tuyết Trinh                       | 19028258303027                              | Techcombank                           | 315363320                     | Trường Mầm Non Chu Văn An                                |
| 5         | Trần Thị Cẩm Hằng      | 24                   | Bùi Trần Khánh Như                | 26/09/2017                     | Bùi Công Hiệp               | 215034648                    | 1.000.000         | Trần Thị Cẩm Hằng                            | 0051000545489                               | Vietcombank                           | 215237836                     | Trường Mầm Non Chu Văn An                                |
| 6         | Phùng Thị Mỹ Lê        | 27                   | 1. Nguyễn Việt Anh                | 10/09/2017                     | Nguyễn Anh Tuấn             | 211683839                    | 1.000.000         | Phùng Thị Mỹ Lê                              | 0051000502643                               | Vietcombank                           | 215275115                     | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                                 |
| 7         | Phùng Thị Mỹ Lê        | 27                   | 2. Nguyễn Khải An                 | 07/03/2019                     | Nguyễn Anh Tuấn             | 211683839                    | 1.000.000         | Phùng Thị Mỹ Lê                              | 0051000502643                               | Vietcombank                           | 215275115                     | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                                 |
| 8         | Lê Thị Giang           | 28                   | Cao Văn Anh Tú                    | 10/08/2017                     | Cao Văn Thương              | 197261456                    | 1.000.000         | Lê Thị Giang                                 | 3906205155852                               | Agribank                              | 197278996                     | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                                 |
| 9         | Đặng Thị Thu Thủy      | 33                   | Võ Đặng Tuyết Trinh               | 12/01/2018                     | Võ Trung Tín                | 215227404                    | 1.000.000         | Đặng Thị Thu Thủy                            | 1019546142                                  | Vietcombank                           | 215174253                     | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                                 |
| 10        | Nguyễn Thị Nhịn        | 46                   | Trần Phúc Khang                   | 25/02/2019                     | Trần Quốc Tuấn              | 215174161                    | 1.000.000         | Nguyễn Thị Nhịn                              | 1017666732                                  | Vietcombank                           | 215305024                     | Trường Mầm Non Tuổi Ngọc                                 |
| 11        | Phạm Thị Thảo Nguyệt   | 51                   | Nguyễn Văn Lương                  | 25/04/2018                     | Nguyễn Văn Mạnh             | 186590531                    | 1.000.000         | Phạm Thị Thảo Nguyệt                         | 9704229204571368621                         | Ngân hàng Quân đội - CN Điện Biên Phủ | 187984270                     | Trường Mầm Non Sơn Ca                                    |
| 12        | Lê Thị Thanh Đông      | 53                   | Nguyễn Đăng Quang                 | 13/01/2017                     | Nguyễn Minh Tuấn            | 215047190                    | 1.000.000         | Lê Thị Thanh Đông                            | 9704229208704675042                         | Ngân hàng Quân đội - CN Điện Biên Phủ | 215117035                     | Trường Mầm Non Sơn Ca                                    |
| 13        | Lê Thị Hồng Yến        | 54                   | Nguyễn Lê Khoa                    | 21/03/2020                     | Nguyễn Thanh Hà             | 211775850                    | 1.000.000         | Lê Thị Hồng Yến                              | 9704229208676229406                         | Ngân hàng Quân đội - CN Điện Biên Phủ | 215177021                     | Trường Mầm Non Sơn Ca                                    |
| 14        | Huỳnh Thị Mộng Lành    | 62                   | Hoàng Quân                        | 28/04/2017                     | Huỳnh Thị Mộng Lành         | 215162657                    | 1.000.000         | Huỳnh Thị Mộng Lành                          | 0181003401554                               | Vietcombank-CN Bình Định              | 215162657                     | Trường Mầm Non Hà Thanh (thuộc Cty CP Giáo dục Hà Thanh) |
| <b>14</b> | <b>TỔNG CỘNG</b>       |                      |                                   |                                |                             |                              | <b>14.000.000</b> |  |   |                                       |                               |  |

## PHỤ LỤC 4

## I. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 5)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT                                    | Họ và tên        | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Số sổ bảo hiểm   | Thời gian ngừng việc (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm) | Số tiền hỗ trợ (đồng) | Số CMT/ thẻ căn cước công dân | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng) | Ghi chú   |
|---------------------------------------|------------------|---------------------------------|------------------------|------------------|---|-----------------------|-------------------------------|---|---|
| 1                                     | 2                | 3                               | 4                      | 6                | 8   | 9                     | 11                            | 10  | 12  |
| <b>I. CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC BĐ</b>   |                  |                                 |                        |                  |   |                       |                               |   |   |
| 1                                     | Phạm Vĩnh Duy    | XNCN số 1                       | HĐKXĐTH                | DN452-5214007382 | 20/07/2021 - 11/08/2021                                     | 1.000.000             | 215.082.070                   |   | Cách ly tập trung từ ngày 20/7/2021 đến 28/7/2021 |
| 2                                     | Võ Thị Nhạc      | XNCN số 1                       | HĐKXĐTH                | DN452-5214006182 | 22/07/2021 - 05/08/2021                                     | 1.000.000             | 215.219.639                   |   | Cách ly tập trung từ ngày 22/7/2021 đến 28/7/2021 |
| <b>II. CTY CP CVCX-CS ĐT QUY NHƠN</b> |                  |                                 |                        |                  |   |                       |                               |   |   |
| 3                                     | Ngô Thị Lành     | Đội CVCX1                       | HĐXĐTH 36 tháng        | 5216001567       | 01/08/2021 - 15/08/2021                                     | 1.000.000             | 211.830.707                   |   | Ở Thị Xã An Nhơn thực hiện Chi thị 16             |
| <b>III. CÔNG TY TNHH NGÂN LÊ</b>      |                  |                                 |                        |                  |   |                       |                               |   |   |
| 4                                     | Lê Tân Văn       | Nhân viên kỹ thuật              | HĐXĐTH                 | 5221339705       | 03/08/2021 - 17/08/2021                                     | 1.000.000             | 211.782.171                   |   | Ở Phước Hòa, Tuy Phước thực hiện Chi thị 16       |
| <b>IV. C.TY TNHH TM HỒNG PHƯỚC</b>    |                  |                                 |                        |                  |   |                       |                               |   |   |
| 5                                     | Trần Quốc Nhân   | Kỹ thuật                        | 1 năm                  | 5220487345       | 10/08/2021 - 31/08/2021                                     | 1.000.000             | 215.313.500                   |   | Ở Ân Tường Tây, Hoài Ân thực hiện Chi thị 16      |
| <b>3</b>                              | <b>TỔNG CỘNG</b> |                                 |                        |                  |   | <b>5.000.000</b>      |                               |   |   |

## II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC

## VÀ ĐANG NUÔI CON ĐỂ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 5)

| TT       | Họ và tên        | Thứ tự tại phụ lục 1 | Thông tin về con và vợ hoặc chồng |                                |                                 |                              | Số tiền hỗ trợ   | Số CMT/ thẻ căn cước công dân | Ghi chú |
|----------|------------------|----------------------|-----------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------|------------------|-------------------------------|---------|
|          |                  |                      | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi   | Ngày tháng năm sinh của trẻ em | Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2 | Số CNT/thẻ căn cước công dân |                  |                               |         |
| 1        | 2                | 3                    | 4                                 | 5                              | 6                               | 7                            | 9                | 10                            | 11      |
| 1        | Võ Thị Nhạc      | 2                    | Nguyễn Phương Bảo Trân            | 05/09/2017                     | Nguyễn Duy Phương               |                              | 1.000.000        | 215.219.639                   |         |
| 2        | Võ Thị Nhạc      | 2                    | Nguyễn Võ Gia Hưng                | 30/06/2019                     | Nguyễn Duy Phương               |                              | 1.000.000        | 215.219.639                   |         |
| <b>2</b> | <b>TỔNG CỘNG</b> |                      |                                   |                                |                                 |                              | <b>2.000.000</b> |                               |         |